

CHÍNH PHỦ
Số: 97/2008/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2008

NGHỊ ĐỊNH

Về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 28 tháng 12 năm 1989, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 14 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết về việc quản lý, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia việc quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet tại Việt Nam.
- Trong trường hợp các Điều ước quốc tế liên quan đến Internet mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với Nghị định này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ trong Nghị định này được hiểu như sau:

- Internet* là hệ thống thông tin toàn cầu sử dụng giao thức Internet (Internet Protocol - IP) và tài nguyên Internet để cung cấp các dịch vụ và ứng dụng khác nhau cho người sử dụng.
- Tài nguyên Internet* bao gồm hệ thống tên miền, địa chỉ Internet và số hiệu mạng dùng cho Internet, được ấn định thống nhất trên phạm vi toàn cầu.

3. *Hệ thống thiết bị Internet* là tập hợp các thiết bị điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin và các thiết bị phụ trợ khác bao gồm cả phần cứng lẫn phần mềm được các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trong lĩnh vực Internet thiết lập tại một địa điểm có địa chỉ và phạm vi xác định mà tổ chức, cá nhân đó được toàn quyền sử dụng theo quy định của pháp luật để phục vụ trực tiếp cho việc cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet.

4. *Mạng lưới thiết bị Internet* là tập hợp các hệ thống thiết bị Internet của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet được kết nối với nhau thông qua mạng viễn thông công cộng hoặc bằng các đường truyền dẫn do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuê hoặc tự xây dựng.

5. *Mạng Internet dùng riêng* là mạng lưới thiết bị Internet do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập, kết nối với Internet để cung cấp các dịch vụ Internet cho các thành viên của cơ quan, tổ chức đó trên cơ sở không kinh doanh và hoạt động phi lợi nhuận.

6. *Đường truyền dẫn* là tập hợp các thiết bị truyền dẫn được liên kết với nhau bằng đường cáp viễn thông, sóng vô tuyến điện, các phương tiện quang học và các phương tiện điện tử khác.

7. *Mạch vòng nội hạt* là một phần của mạng viễn thông công cộng bao gồm các đường dây thuê bao và các đường trung kế kết nối tổng đài của doanh nghiệp viễn thông với thiết bị đầu cuối thuê bao của người sử dụng dịch vụ.

8. *Phân tách mạch vòng nội hạt* là việc sử dụng các biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ để doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại cố định có thể sử dụng cùng một mạch vòng nội hạt để cung cấp hai dịch vụ này độc lập với nhau cho người sử dụng dịch vụ.

9. *Dịch vụ Internet* là một loại hình dịch vụ viễn thông, bao gồm dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ kết nối Internet và dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông:

a. *Dịch vụ truy nhập Internet* là dịch vụ cung cấp cho người sử dụng khả năng truy nhập đến Internet;

b. *Dịch vụ kết nối Internet* là dịch vụ cung cấp cho các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet khả năng kết nối với nhau để chuyển tải lưu lượng Internet trong nước giữa các tổ chức, doanh nghiệp đó;

c. *Dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông* là dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng được cung cấp cho người sử dụng thông qua mạng lưới thiết bị Internet.

10. *Trạm trung chuyển Internet (IX)* là một mạng lưới hoặc hệ thống thiết bị Internet, được một tổ chức hoặc doanh nghiệp thiết lập để truyền tải lưu lượng Internet trong nước giữa các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, các mạng Internet dùng riêng.

11. *Thông tin điện tử trên Internet* là thông tin được cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông qua mạng lưới thiết bị Internet.

12. *Trang thông tin điện tử trên Internet* là trang thông tin hoặc tập hợp trang thông tin phục vụ cho việc cung cấp và trao đổi thông tin trên môi trường Internet, bao gồm trang thông tin điện tử (website), trang thông tin điện tử cá nhân (blog), cổng thông tin điện tử (portal) và các hình thức tương tự khác.

13. *Trang thông tin điện tử tổng hợp* là trang thông tin điện tử trên Internet của tổ chức hoặc doanh nghiệp cung cấp thông tin tổng hợp về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trên cơ sở trích dẫn lại thông tin từ nguồn chính thức của các cơ quan báo chí hoặc từ các trang thông tin điện tử của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

14. Dịch vụ mạng xã hội trực tuyến là dịch vụ cung cấp cho cộng đồng rộng rãi người sử dụng khả năng tương tác, chia sẻ, lưu trữ và trao đổi thông tin với nhau trên môi trường Internet, bao gồm dịch vụ tạo blog, diễn đàn (forum), trò chuyện trực tuyến (chat) và các hình thức tương tự khác.

Điều 4. Chính sách quản lý và phát triển Internet

1. Khuyến khích việc ứng dụng Internet trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội để nâng cao năng suất lao động; mở rộng các hoạt động thương mại; hỗ trợ cải cách hành chính, tăng tiện ích xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân và bảo đảm an ninh, quốc phòng.

2. Thúc đẩy việc ứng dụng Internet trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, trường học, bệnh viện, các cơ sở nghiên cứu và đưa Internet đến nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet, đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn pháp luật về Internet. Có biện pháp để ngăn chặn những hành vi lợi dụng Internet gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, vi phạm đạo đức, thuần phong mỹ tục, vi phạm các quy định của pháp luật và để bảo vệ trẻ em khỏi tác động tiêu cực của Internet.

4. Phát triển Internet với đầy đủ các dịch vụ có chất lượng cao và giá cước hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

5. Khuyến khích tăng cường đưa thông tin tiếng Việt lên Internet.

6. Tên miền quốc gia “.vn”, địa chỉ Internet và số hiệu mạng Internet do Việt Nam quản lý là một phần của tài nguyên thông tin quốc gia, cần phải được quản lý, khai thác, sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả. Khuyến khích và tạo điều kiện để sử dụng rộng rãi tên miền quốc gia “.vn” và thể hệ địa chỉ Internet IPv6.

7. Bí mật đối với các thông tin riêng trên Internet của tổ chức, cá nhân được bảo đảm theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Việc kiểm soát thông tin trên Internet phải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành theo quy định của pháp luật.

8. Internet Việt Nam là một bộ phận quan trọng thuộc cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia, được bảo vệ theo pháp luật, không ai được xâm phạm. Bảo đảm an toàn, an ninh cho các hệ thống thiết bị và thông tin điện tử trên Internet là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, mọi tổ chức và cá nhân.

Điều 5. Quản lý nhà nước về Internet

1. Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm trong việc thực hiện quản lý nhà nước về Internet, bao gồm:

a. Xây dựng cơ chế, chính sách, chiến lược và quy hoạch phát triển Internet;

b. Trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về cấp phép cung cấp dịch vụ; kết nối; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; chất lượng; giá cước; tài nguyên Internet; an toàn thông tin; cấp phép báo điện tử, xuất bản trên mạng Internet và các quy định quản lý thông tin điện tử trên Internet;

c. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý và thực thi pháp luật đối với hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet; thiết lập, cung cấp và sử

dụng thông tin điện tử trên Internet, bao gồm cấp phép, đăng ký, báo cáo, thống kê, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền;

d. Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về Internet.

2. Bộ Công an chịu trách nhiệm trong việc đảm bảo an ninh thông tin trong lĩnh vực Internet bao gồm:

a. Trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về an ninh thông tin trong hoạt động Internet;

b. Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ngành liên quan, với chính quyền địa phương và các doanh nghiệp viễn thông, Internet tổ chức thực hiện các biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ đảm bảo an ninh quốc gia và phòng, chống tội phạm đối với hoạt động Internet;

c. Kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm các quy định pháp luật về đảm bảo an ninh thông tin trong lĩnh vực Internet theo thẩm quyền;

d. Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế trong việc đảm bảo an ninh thông tin trên lĩnh vực Internet.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng cơ chế, chính sách về đầu tư, tài chính để thúc đẩy việc sử dụng Internet trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, trường học, bệnh viện, các cơ sở nghiên cứu và đưa Internet đến nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và hướng dẫn việc thực hiện các quy định về phí, lệ phí liên quan đến tài nguyên Internet.

4. Bộ Nội vụ thực hiện quản lý nhà nước về mật mã dân sự đối với các thông tin cần được bảo mật trong các hoạt động thương mại, dân sự trên Internet.

5. Các Bộ, ngành liên quan phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và hướng dẫn thực hiện các quy định; triển khai thực hiện quản lý đối với việc cung cấp và sử dụng các dịch vụ ứng dụng chuyên ngành trên Internet thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của mình.

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình thực hiện quản lý nhà nước về Internet tại địa phương phù hợp với các quy định tại Nghị định này.

Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Lợi dụng Internet nhằm mục đích:

a. Chống lại nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân; tuyên truyền chiến tranh xâm lược; gây hận thù, mâu thuẫn giữa các dân tộc, sắc tộc, tôn giáo; tuyên truyền, kích động bạo lực, dâm ô, đồi trụy, tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan; phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc.

b. Tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại và những bí mật khác đã được pháp luật quy định;

c. Đưa các thông tin xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức; danh dự, nhân phẩm của công dân;

- d. Lợi dụng Internet để quảng cáo, tuyên truyền, mua bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục cấm theo quy định của pháp luật.
2. Gây rối, phá hoại hệ thống thiết bị và cản trở trái pháp luật việc quản lý, cung cấp, sử dụng các dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet.
3. Đánh cắp và sử dụng trái phép mật khẩu, khoá mật mã và thông tin riêng của các tổ chức, cá nhân trên Internet.
4. Tạo ra và cài đặt các chương trình virus máy tính, phần mềm gây hại để thực hiện một trong những hành vi quy định tại Điều 71 Luật Công nghệ thông tin.

Chương II

CÁC BÊN THAM GIA CUNG CẤP, SỬ DỤNG DỊCH VỤ INTERNET VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TRÊN INTERNET

Điều 7. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet (ISP) là doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập theo pháp luật Việt Nam để cung cấp dịch vụ Internet cho công cộng.
2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a. Thiết lập hệ thống thiết bị Internet tại cơ sở và tại các điểm cung cấp dịch vụ công cộng của doanh nghiệp để cung cấp các dịch vụ Internet theo đúng quy định của giấy phép;
 - b. Thuê đường truyền dẫn viễn thông của các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng đã được cấp phép để thiết lập mạng lưới thiết bị Internet của doanh nghiệp, kết nối trực tiếp với Internet quốc tế và cung cấp dịch vụ đến đại lý, người sử dụng dịch vụ Internet;
 - c. Được sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet;
 - d. Thực hiện đầy đủ các quy định của nhà nước về quản lý giá cước và tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ Internet;
 - đ. Triển khai các trang thiết bị và phương án kỹ thuật, nghiệp vụ bảo đảm an toàn, an ninh thông tin theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - e. Triển khai các điểm cung cấp dịch vụ Internet cho công cộng. Điểm cung cấp dịch vụ Internet cho công cộng của doanh nghiệp phải chấp hành các quy định như đối với các đại lý Internet, trừ việc phải đăng ký kinh doanh và ký hợp đồng đại lý;
 - g. Giao kết hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet với người sử dụng dịch vụ và ký hợp đồng đại lý Internet với các tổ chức và cá nhân. Trường hợp hợp đồng được thực hiện bằng văn bản, căn cứ quy định của pháp luật về hợp đồng và về Internet, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet có trách nhiệm xây dựng, ban hành hợp đồng mẫu để thực hiện thống nhất trong toàn doanh nghiệp;
 - h. Từ chối cung cấp dịch vụ trong các trường hợp sau: người sử dụng dịch vụ Internet vi phạm pháp luật về Internet theo văn bản kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cước dịch vụ với một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khác nếu đã có thỏa thuận bằng văn bản giữa các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ với nhau về vấn đề này;